

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-PT
Ngày: 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Đồng

Ông Võ Đình Nghị

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào; Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLPT-HS ngày 07/02/2018 đối với bị cáo Đồng Hiếu M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

**** Bị cáo kháng cáo:***

Họ và tên: **Đồng Hiếu M**, sinh ngày 20/11/1971, tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHTT: Số 82/11, đường ĐTH, phường I, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM); Nơi cư trú: Số 014, chung cư B, đường NTL, Phường 13, quận BT, TP. HCM; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ văn hoá: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Đồng Ngọc H và bà: Nguyễn Thị T; Vợ: Nguyễn Kim Th, sinh năm 1973, hiện làm nghề nội trợ tại quận BT, TP. HCM; Con: có 02 người con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2016 đến ngày 23/9/2016, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình kiểm tra giám sát lĩnh vực Thuế, ngày 25/4/2013, Cục Thuế Tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 979/CT-TTrT gửi đến Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an Tỉnh Lâm Đồng đề nghị làm rõ về hành vi của Công ty trách nhiệm hữu hạn (Công ty TNHH) DN do Lê Thùy D làm giám đốc đã sử dụng 45 hóa đơn bất hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ (Công ty TNHH-TMDV) HDN (gọi tắt là công ty HDN) để kê khai khấu trừ thuế đầu vào số tiền 5.686.529.046đ (năm tỷ sáu trăm tám sáu triệu năm trăm hai chín ngàn không trăm bốn sáu đồng). Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an Tỉnh Lâm Đồng tiến hành điều tra, xác định được Đồng Hiếu M là giám đốc công ty HDN có hành vi bán trái phép hóa đơn thuế giá trị gia tăng (gọi tắt là GTGT) cho Lê Thùy D, HKTT: Số 174, TP, ĐL, DL, Lâm Đồng cụ thể như sau:

Vào thời gian tháng 06/2010, Đồng Hiếu M thành lập công ty HDN, đăng ký kinh doanh theo giấy phép số 0309986081 do Sở Kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp ngày 04/06/2010 với ngành nghề kinh doanh là: Buôn bán vật liệu xây dựng, buôn bán ngũ cốc và một số mặt hàng khác, tháng 7/2010 bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh cà phê. Địa điểm công ty đặt tại số 158B, đường ĐDH, phường PL B, quận 9, TP. HCM. Trong quá trình kinh doanh, Đồng Hiếu M là người đại diện theo pháp luật. Sau khi thành lập công ty M khai báo, đăng ký mua 03 cuốn hóa đơn GTGT tại Chi cục thuế quận 9, TP.HCM có kí hiệu: HK/2010 từ số 75551 đến số 75600; 03HP/11P từ số 1151 đến số 1200; 03AA/11P từ số 0088650 đến số 0088700, mỗi cuốn hóa đơn có 50 số hóa đơn, đều có 03 liên. Đến tháng 3/2011, M chỉ đạo Kế toán công ty của mình là Nguyễn Thị Mỹ Thương đi đặt in 10 cuốn hóa đơn GTGT với mẫu số 01GTKTT3/001 có ký hiệu DN/11P từ số 0000001 đến số 0000500 (tổng cộng 500 số). Các số hóa đơn này được Minh thông báo phát hành hóa đơn theo quy định. Trong hoạt động kinh doanh, do thua lỗ và cần vốn nên M nảy sinh ý định bán trái phép hóa đơn GTGT để kiếm tiền. Thực hiện ý định này, tháng 10/2010, M móc nối và bán hóa đơn trái phép cho Nguyễn Thị L, trú tại huyện TB, tỉnh Đồng Nai được 51 hóa đơn với số thuế phải nộp là 3.684.339.145đ. (ba tỷ sáu trăm tám tư triệu ba trăm ba chín ngàn một trăm bốn lăm đồng). Đến tháng 02/2011, M lên tỉnh Lâm Đồng liên hệ và móc nối được việc mua bán hóa đơn với Lê Thùy D là Giám đốc công ty TNHH DN có trụ sở tại số 36, thôn TP, xã ĐL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. M và D thống nhất việc mua bán hóa đơn trái phép như sau: Lê Thùy D sẽ trả cho M theo mùa vụ cà phê, cứ một mùa, D sẽ trả cho M số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và không cần biết hóa đơn ghi giá trị là bao nhiêu. Thực hiện thỏa thuận, M bán lẻ hóa đơn cho D từng lần theo yêu cầu của D. Tổng số tiền D trả cho M theo hóa đơn bán lẻ là khoảng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Được một thời gian, thấy việc giao dịch này bất tiện, nên M có ý định không bán hóa đơn cho D nữa. D đề nghị M bán nguyên cuốn hóa đơn cho D. Hai bên thống nhất giá bán là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)/1 cuốn hóa đơn gồm 50 số hóa đơn. Đến tháng 4/2011, theo yêu cầu của D, M chính thức xuất khổng (bán) các hóa đơn GTGT cho D. Cả hai thống nhất việc mua bán, và các thủ đoạn nhằm hợp thức hóa việc mua bán như sau:

Đối với các hóa đơn bán lẻ trái phép từng lần, M phải ghi số lượng hàng bán theo yêu cầu của D. M ký vào hóa đơn, đóng dấu công ty và giao liên 2 cho D. Đối với 05 cuốn hóa đơn bán nguyên cuốn, M ký sẵn bên bán, không ghi số lượng, nội dung trong hóa đơn, đóng dấu sẵn vào các hóa đơn và gửi nguyên cuốn cho D. Đồng thời M cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty HĐN, mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng theo yêu cầu của D, ký xác nhận vào một sổ sổ sách của công ty DN gồm: Sổ giao nhận tiền hàng, tiền thuế, phiếu nhập kho...ngoài ra M còn ký, đóng dấu sẵn (không) vào một số hợp đồng mua bán cà phê do công ty DN soạn sẵn. Về phần mình, M cũng yêu cầu D phải thực hiện một số nội dung bao gồm: D phải trả tiền cho số hóa đơn đã mua trước đó cho M, thì M mới bán số hóa đơn tiếp theo cho D. Đối với hóa đơn nguyên cuốn, D phải gửi lại liên 1 và liên 3 cho M để M làm thủ tục kê khai thuế cho Công ty HĐN. Việc trả tiền mua bán hóa đơn này thông qua Công ty Thành Bưởi.

Như vậy, với thủ đoạn và phương thức nêu trên, M đã bán trái phép hóa đơn cho Diễm bao gồm: Bán nguyên 05 cuốn hóa đơn với 250 hóa đơn, có ký hiệu DN/11P từ số: 0000101 đến số 0000350. Bán lẻ hóa đơn (không nhớ rõ số lượng) nằm trong các cuốn hóa đơn có ký hiệu DN/11P từ số 0000001 đến số 00000050; DN/11P từ số 0000051 đến số 0000100; ký hiệu 03AA/11 từ số 0088650 đến số 0088700. Sau khi những hóa đơn nào được sử dụng, D gửi lại xe Công ty Thành Bưởi (các liên 1 và 3) cho M. M sử dụng để kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế quận 9, TP.HCM.

Nhằm hợp thức hóa việc mua, bán hóa đơn trái phép và để chứng minh việc thanh toán tiền mua bán, D yêu cầu M lên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Dầu tầm tơ Bảo Lộc (nay là Chi nhánh Nam Lâm Đồng) mở tài khoản của Công ty HĐN mang số 5490201003985; đồng thời, D còn yêu cầu M ký sẵn và mở tiếp 02 tài khoản tại các Ngân hàng Công thương Chi nhánh Bảo Lộc số 102010001499919 và Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Đà Lạt tài khoản số 0561000506406. Ngoài ra D cũng yêu cầu M mua sẵn một số cuốn Séc rút tiền, phiếu lĩnh tiền của các Ngân hàng này yêu cầu M ký và đưa lại cho D. Ngoài số mua trước, D cũng gửi các tài liệu này qua nhà xe vận chuyển cho M. Sau đó, M ký tên, đóng dấu không Công ty HĐN ở phần chủ tài khoản, các thông tin còn lại, do D tự điền để làm các thủ tục thanh toán tại các Ngân hàng khác nhau.

Sau khi có được số tài khoản của công ty HĐN, Lê Thùy D thực hiện việc chuyển tiền thanh toán vào tài khoản của Công ty HĐN và cũng tự ý sử dụng những chứng từ Séc và phiếu lĩnh tiền mặt do M ký sẵn để rút tiền ra từ tài khoản của công ty HĐN. Việc chuyển và rút ra như thế nào, thì M hoàn toàn không biết. Vào thời điểm cuối tháng, thì M lên công ty DN để đòi tiền bán hóa đơn thì D yêu cầu M ký tên, đóng dấu công ty HĐN vào những hợp đồng thể hiện việc mua bán cà phê do D soạn sẵn, ký vào các sổ giao nhận tiền, hàng, tiền thuế GTGT do D viết, ký sẵn vào phiếu nhập kho ở mục người giao hàng đã được D lập sẵn.

Với những hành vi nêu trên, từ ngày 01/06/2011 đến 26/05/2012 Công ty DN đã chuyển vào tài khoản cho Công ty HDN tổng số tiền 326.636.126.000đ (ba trăm hai sáu tỷ sáu trăm ba sáu triệu một trăm hai sáu ngàn đồng). Và cũng chính thủ đoạn này, từ 01/06/2011 đến 26/05/2012 Lê Thùy D đã chỉ đạo nhân viên công ty DN rút ra từ tài khoản của Công ty HDN tổng số tiền 326.636.126.000đ (ba trăm hai sáu tỷ sáu trăm ba sáu triệu một trăm hai sáu ngàn đồng). Quá trình điều tra xác định M không hề nhận được số tiền như đã nêu trên và cũng không rút tiền từ tài khoản trên. Toàn bộ hoạt động này là do người của Công ty DN thực hiện bằng các phiếu lĩnh tiền mặt, Séc rút tiền do Đồng Hiếu M ký sẵn. Trong đó M ký không 151 tờ Séc, 23 phiếu lĩnh tiền mặt và các bảng kê chi tiền, hóa đơn GTGT và phiếu dịch vụ tại các ngân hàng gồm: Ngân hàng Nông nghiệp Nam Lâm Đồng; Ngân hàng Công thương Bảo Lộc; Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đà Lạt. Trong số 212 hóa đơn mua trái phép của M, thì M trực tiếp viết 35 hóa đơn, em của M là Đồng Hiếu N viết 32 hóa đơn; số còn lại M xuất khống nên người của Công ty DN viết là 145 Hóa đơn.

Nhằm đối phó với cơ quan chức năng, D yêu cầu M phải ký vào sổ giao nhận tiền mặt như đã nêu ở trên. Trong đó thể hiện tại cuốn sổ giao nhận tiền hàng số tiền 308.995.275.505đ (ba trăm lẻ tám tỷ chín trăm chín lăm triệu hai trăm bảy lăm ngàn năm trăm lẻ năm đồng). Tuy nhiên với kết luận giám định số 803/GĐ-PC54 cho thấy: Trong 197 chữ ký trong sổ nhập hàng theo hóa đơn đầu vào, thì chỉ có 192 chữ ký do Minh ký; 05 chữ ký còn lại không phải do M ký; trong 213 chữ ký trong cuốn phiếu nhập kho thì có 98 chữ ký do M ký, còn lại 115 chữ không phải do M ký.

Như vậy bằng các hành vi nêu trên, Đồng Hiếu M đã bán trái phép tổng cộng 250 hóa đơn GTGT cho Lê Thùy D để hưởng lợi số tiền 465.000.000đ. (bốn trăm sáu lăm triệu đồng) Trong đó, D gửi qua nhà xe Thành Bưởi số tiền 445.000.000đ (bốn trăm bốn lăm triệu đồng), còn lại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), M trực tiếp nhận từ D trong khoảng tháng 5/2011 tại trụ sở Công ty DN, số 36, thôn TP, xã DL, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Toàn bộ số tiền này Đồng Hiếu M sử dụng trả nợ ngân hàng và tiêu xài hết. Trong số 250 hóa đơn GTGT do Đồng Hiếu M bán, Lê Thùy D đã sử dụng 212 hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế đầu vào nhằm trốn thuế với số tiền 15.430.870.829đ. (mười lăm tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, tám trăm bảy mươi ngàn, tám trăm hai chín đồng).

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Đồng Hiếu M 01 điện thoại Iphone5S, số seri: C34M88PKFRC6, Imei: 358842059670078 (có 01 thẻ sim); 01 điện thoại Nokia 110, số Imei1: 353257050788867, Imei2: 353257050788875 (có 02 thẻ sim) ; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang số 9704035803335161. Tạm giữ của Đồng Hiếu M số tiền 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Bản án số 114/2017/HSST ngày 27-12-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc tuyên bố bị cáo Đồng Hiếu M phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Áp dụng điểm d, đ, g khoản 2 Điều 164a; điểm b, p, khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Đồng Hiếu M 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2016 đến ngày 23/9/2016.

Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/01/2018 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xuất trình Huân chương kháng chiến hạng III của mẹ.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, không thắc mắc, khiếu nại Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo nguyên tắc có lợi, xử phạt bị cáo bằng thời gian tạm giam là 08 tháng 20 ngày tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do kinh doanh thua lỗ và cần vốn nên Đồng Hiếu M đã thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT, bị cáo đã bán trái phép tổng cộng 250 hóa đơn GTGT cho Lê Thùy Diễm để hưởng lợi số tiền 465.000.000 đ. Trong số 250 hóa đơn GTGT do Đồng Hiếu M bán, Lê Thùy D đã sử dụng 212 hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế đầu vào nhằm trốn thuế với số tiền 15.430.870.829đ. Hành vi của bị cáo Đồng Hiếu M đã bị cấp sơ thẩm tuyên xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Khi xét xử cấp sơ thẩm có áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại được 230.000.000 đồng số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo có thời gian phục vụ quân đội nên cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khởi điểm của khung hình phạt là phạt tiền. Như vậy, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn khung hình phạt

khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng theo nguyên tắc có lợi là thiếu sót, đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình Huân chương kháng chiến hạng III của mẹ bị cáo nên Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 203; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[3] Về án phí:

Cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải nộp 11.750.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm là trái với quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bởi lẽ, đối với khoản tiền thu lợi bất chính phải nộp lại để sung vào ngân sách thì không thuộc trường hợp phải chịu án phí dân sự nên cấp phúc thẩm sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đồng Hiếu M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đồng Hiếu M, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Đồng Hiếu M phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Áp dụng điểm d, đ, g khoản 2 Điều 164a; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đồng Hiếu M 08 tháng 20 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2016 đến ngày 23/9/2016 (đã thi hành xong).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Đồng Hiếu M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp sơ thẩm;
- Cơ quan THAHS Bảo Lộc;
- Cơ quan CSĐT Bảo Lộc;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Minh Hương